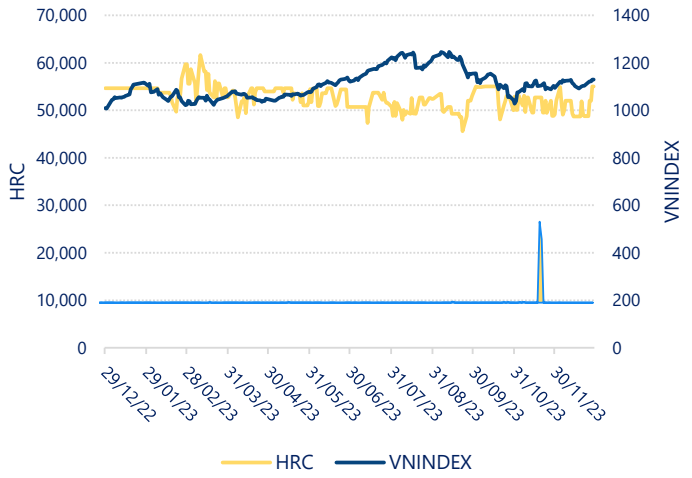
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

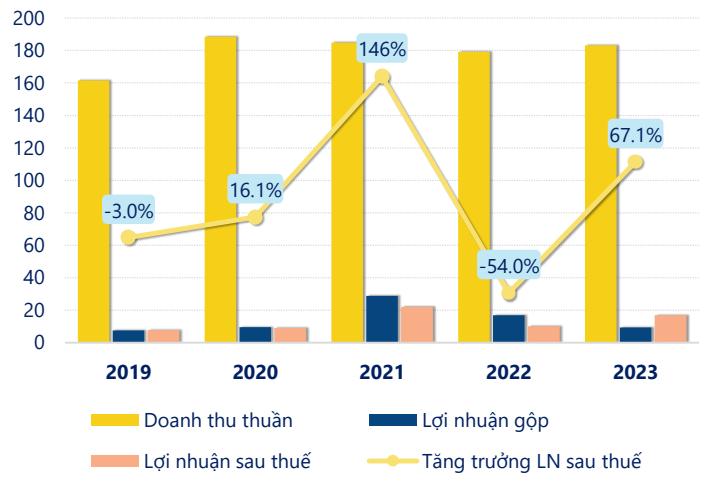
Ngày 29/12/2023	55,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.2%	**0.2%**	**8.5%**

Lịch sử giá



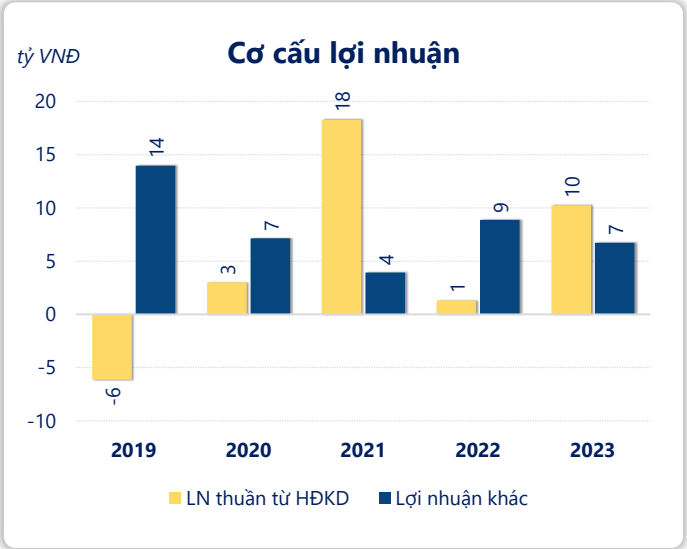
	2023	YoY
DT thuần	**183** tỷ VNĐ	▲ 4.00 ▲ 2.2%
LN gộp	**9.42** tỷ VNĐ	▼ 7.58 ▼ 44.6%
LN thuần	**10.3** tỷ VNĐ	▲ 9.01 ▲ 696%
LN sau thuế	**17.0** tỷ VNĐ	▲ 6.80 ▲ 67.1%
ROE	**3.1%**	+/- YoY ▲ 1.2%
ROA	**2.1%**	+/- YoY ▲ 0.9%

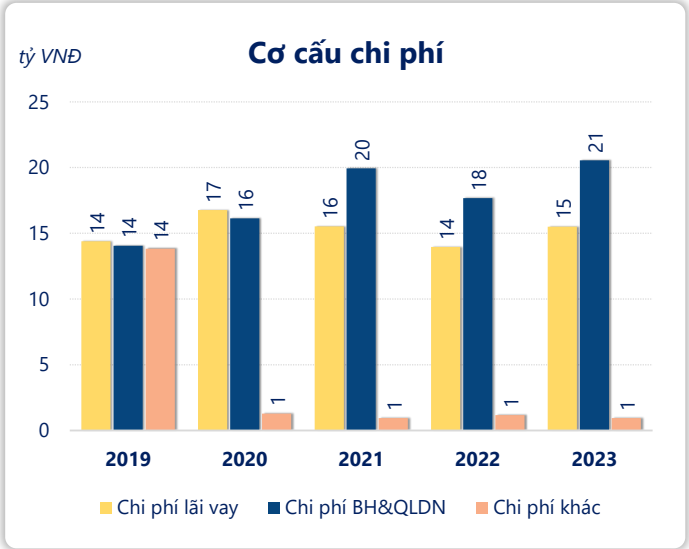
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **HRC** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **183.2** tỷ đồng **tăng 2.22%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 67.1%** đạt **16.98** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **3.09%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

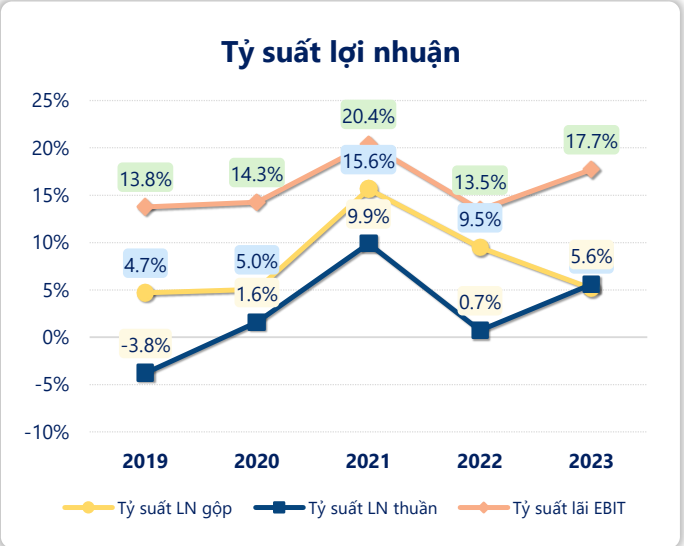


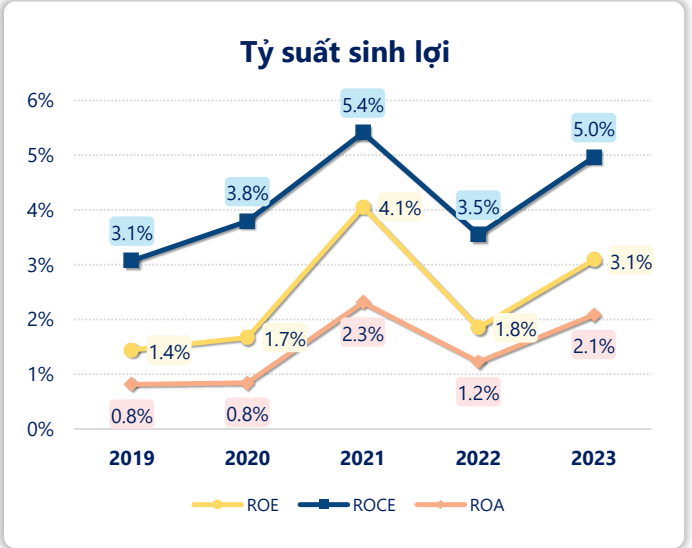


Năm **2023**, **HRC** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **10.25** tỷ đồng, **tăng lên 8.96** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (5.34 tỷ đồng) là 4.92 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

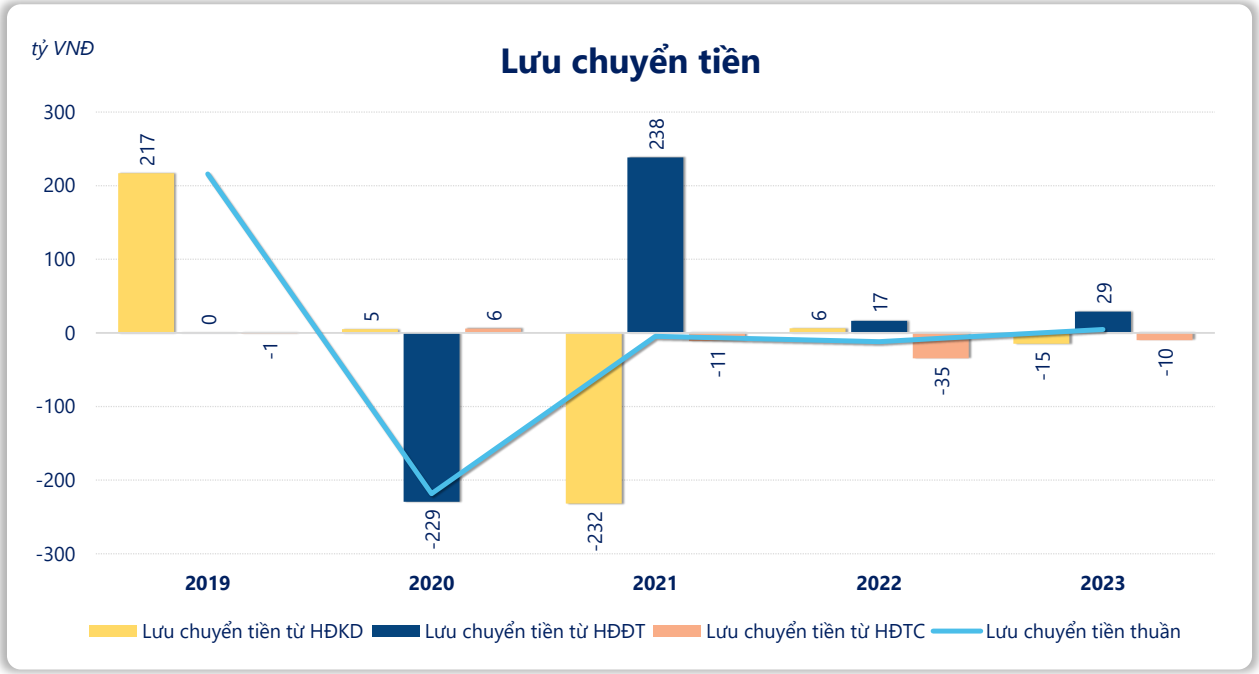
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **15.50** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **20.55** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.95** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HRC năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **3.09%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**161**	**189**	**185**	**179**	**183**
Giá vốn hàng bán	154	179	156	162	174
Lợi nhuận gộp	**7.57**	**9.52**	**28.9**	**17.0**	**9.42**
Doanh thu HĐTC	14.8	26.9	25.1	16.0	37.4
Chi phí TC	14.5	17.3	15.8	14.1	16.0
Chi phí lãi vay	**14.4**	**16.8**	**15.5**	**14.0**	**15.5**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.35	3.83	3.20	3.35	4.13
Chi phí QLDN	9.71	12.3	16.7	14.3	16.4
LN thuần từ HĐKD	**-6.13**	**2.99**	**18.3**	**1.29**	**10.3**
Lợi nhuận khác	14.0	7.13	3.94	8.87	6.73
LN trước thuế	**7.84**	**10.1**	**22.2**	**10.2**	**17.0**
Lợi nhuận sau thuế	**7.73**	**8.97**	**22.1**	**10.2**	**17.0**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.73**	**8.97**	**22.1**	**10.2**	**17.0**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của HRC bằng **4.72** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (-11.71 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-14.63** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **29.12** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-9.76** tỷ đồng.